**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 5 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 10 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 10 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 13 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lí nhà trường** | 13 |
| **Mở đầu** | 13 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 13 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 15 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 17 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 19 |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học | 21 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lí hành chính, tài chính và tài sản | 23 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lí cán bộ, giáo viên và nhân viên | 25 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lí các hoạt động giáo dục | 27 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 29 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 30 |
| ***Kết luận về tiêu chuẩn 1*** | 32 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh** | 33 |
| **Mở đầu** | 33 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 33 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 35 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 38 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 40 |
| ***Kết luận về tiêu chuẩn 2*** | 42 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 43 |
| **Mở đầu** | 43 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập | 43 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 44 |
| Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị | 46 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 48 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 50 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 52 |
| ***Kết luận về tiêu chuẩn 3*** | 54 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | 54 |
| **Mở đầu** | 54 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 54 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 57 |
| ***Kết luận về tiêu chuẩn 4*** | 59 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục** | 60 |
| **Mở đầu** | 60 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông | 60 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | 62 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định | 65 |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp | 66 |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh | 68 |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục | 70 |
| ***Kết luận về tiêu chuẩn 5*** | 74 |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | 75 |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** |  |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | X |  | - |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X |  | - |
| Tiêu chí 1.8 |  | X |  | - |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | - |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.5 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | X |  | - |
| Tiêu chí 5.4 |  | X |  | - |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.6 |  | X | X |  |

**Kết quả:** đạt Mức 1.

**2. Kết luận:** **Trường đạt Mức 1.**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Đào.

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh |  | Họ và tên  Hiệu trưởng | Võ Thị Đào |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố | Hóc Môn |  | Điện thoại | 0938685981 |
| Xã/phường/thị trấn: | Xuân Thới Sơn |  | Fax: | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia: | Không |  | Website: | thcsnguyenhongdao.hcm.edu.vn |
| Năm thành lập  (theo quyết định  Thành lập): | 1992 |  | Số điểm trường | Không |
| Công lập | x |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Khối lớp 6 | 12 | 12 | 12 | 15 | 12 |
| Khối lớp 7 | 12 | 11 | 12 | 12 | 14 |
| Khối lớp 8 | 08 | 11 | 11 | 11 | 12 |
| Khối lớp 9 | 9 | 8 | 11 | 10 | 10 |
| **Cộng** | **41** | **42** | **44** | **48** | **48** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | **70** | **70** | **70** | **70** | **70** |  |
| 1 | Phòng học | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***30*** |  |
| a | Phòng kiên cố | **30** | **30** | **30** | **30** | **30** |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| c | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | ***14*** | ***14*** | ***14*** | ***14*** | ***14*** |  |
| a | Phòng kiên cố | 14 | 14 | 14 | 14 | 14 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| c | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | **13** | **13** | **13** | **13** | **13** |  |
| a | Phòng kiên cố | 13 | 13 | 13 | 13 | 13 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| c | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính - quản trị | **04** | **04** | **04** | **04** | **04** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **III** | Thư viện | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| **IV** | Hội trường | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| Nhà đa năng | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| Bán trú | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| Kho chứa dụng cụ | 00 | 00 | 00 | 00 | 0 |  |
|  | **Cộng** | **83** | **83** | **83** | **83** | **83** |  |

**3. Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá tháng 02 năm 2021

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |  |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 00 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 01 | 00 | 00 | 00 | 02 |  |
| Giáo viên | 41 | 29 | 00 | 00 | 5 | 36 | 01 Thạc sĩ |
| Nhân viên | 29 | 07 | 00 | 05 | 10 | 00 |  |
| **Cộng** | **59** | **38** | **00** | **05** | **15** | **39** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 37 | 37 | 38 | 36 | 41 |
| 2 | Tỉ lệ giáo viên/lớp | 1,85 | 1,76 | 1,65 | 1,38 | 1,32 |
| 3 | Tỉ lệ giáo viên/học sinh | 0,04 | 0,04 | 0,04 | 0,03 | 0,03 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương trở lên (nếu có) | 02 | 02 | 03 | 03 | 02 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |

**4. Học sinh**

a. Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| 1 | Tổng số học sinh | 861 | 869 | 958 | 1049 | 1236 |
| *- Nữ* | 439 | 429 | 461 | 507 | 601 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 11 | 10 | 12 | 20 | 19 |
| *- Khối lớp 6 (Cuối năm)* | 209 | 209 | 290 | 359 | 412 |
| *- Khối lớp 7* | 261 | 219 | 227 | 299 | 342 |
| *- Khối lớp 8* | 228 | 242 | 222 | 200 | 289 |
| *- Khối lớp 9* | 163 | 199 | 219 | 191 | 193 |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 198 | 209 | 290 | 365 | 417 |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 00 | 869 | 958 | 1049 | 1236 |
| 4 | Bán trú | 00 | 00 | 00 | 00 | 576 |
| 5 | Nội trú | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 6 | Bình quân số học sinh /lớp | 43,1 | 41,0 | 41,7 | 40,3 | 39,9 |
| 7 | Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| *- Nữ* | 439 | 429 | 461 | 507 | 601 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 11 | 10 | 12 | 20 | 19 |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện / tỉnh | 34/00 | 33/00 | 11/00 | 15/01 | 04/00 |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 33 | 50 | 26 | 15 | 13 |
| *- Nữ* | 18 | 34 | 15 | 11 | 08 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 02 | 02 | 02 | 03 | 1 |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 00 | 19 | 22 | 14 | 25 |
| 12 | Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hòa nhập | 01 | 01 | 01 | 01 | 02 |

b) Kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi | 24,0 | 26,7 | 25,9 | 27,4 | 33,4 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại khá | 35,7 | 37,0 | 38,5 | 38,5 | 42,3 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 9,5 | 7,1 | 6,9 | 4,2 | 1,7 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 73,1 | 79,5 | 81,9 | 85,1 | 84,4 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 19,1 | 17,5 | 16,5 | 12,8 | 14,4 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 7,8 | 3,1 | 1,6 | 2,1 | 1,2 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh được thành lập theo Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 27/3/1996 của Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn. Để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn do tăng dân số cơ học từ các địa phương khác chuyển đến, năm học 2016 Ủy ban Nhân dân huyện có kế hoạch xây dựng trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh mới tại địa chỉ 78 đường Bùi Công Trừng, ấp 3, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với diện tích 10852m2 trường được thiết kế, xây dựng gồm 04 khu tổng cộng 50 phòng học, 14 phòng chức năng. Mỗi phòng học có diện tích 48m2 có khả năng phục vụ cho khoảng 2000 học sinh mỗi năm. Đến năm học 2020 - 2021, số học sinh của nhà trường là 1404 học sinh; tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường hiện có 59 người.

Ngoài ra để phục vụ giảng dạy cho bộ môn Tin học trường có 04 phòng máy vi tính với tổng số máy lên đến 126 máy, có nối mạng internet. Nhà trường đã trang bị được 02 đầu chiếu projecter, 02 bảng tương tác, 03 laptop để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp trong giảng dạy.

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức, nhân sự. Trường có các tổ chức: Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, có 06 tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 59 người.

Với tiêu chí hoạt động: “Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nề nếp, dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo”. Những năm qua, Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Nhà trường luôn nâng cao ý thức, phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ về mọi mặt, Ban đại diện Cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh.

Thực hiện theo Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, Trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh, huyện Hóc Môn đã tiến hành thực hiện qui trình tự đánh giá đơn vị theo qui định. Đây là bước khởi đầu quan trọng để nhà trường định hướng những vấn đề cần thiết trên con đường xây dựng nhà trường tiên tiến của huyện Hóc Môn.

**Mục tiêu và sứ mạng của nhà trường:**

Giáo dục và rèn luyện học sinh phát triển toàn diện về “Đức - Trí - Thể Mĩ”, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tự học, tự rèn, có kĩ năng sống tốt, có khả năng hoạt động nhóm.

Nhà trường tiếp tục khẳng định uy tín, chất lượng, xây dựng được đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Mỗi năm học, nhà trường có cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp thành phố.

**2. Mục đích tự đánh giá**

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nhằm mục đích tự xem xét, tự chỉ ra những mặt mạnh, mặt tích cực trong việc quản lí và tổ chức nhà trường đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; nhằm lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lí nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường; để cơ quan quản lí nhà nước đánh giá, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

3.1. Quá trình tự đánh giá

Nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá từ tháng 11 năm 2020 và hoàn thành vào cuối tháng 02 năm 2021. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 14 thành viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người; ngoài ra Hội đồng cũng đã huy động sự tham gia của toàn thể cán bộ - giáo viên - nhân viên, Ban đại diện Cha mẹ học sinh và sự hỗ trợ của Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân, các ban ngành đoàn thể xã Nhị Bình. Tuy nhiên lực lượng nòng cốt vẫn là các thành viên của Hội đồng tự đánh giá. Nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá nên các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá đã tập trung làm việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng qui định và đúng tiến độ thời gian.

Để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá của nhà trường, xác định rõ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cần huy động, nội dung công việc, thời gian tiến hành từng công việc và hoàn thành quá trình tự đánh giá. Nhờ đó, tất cả các hoạt động diễn ra khoa học, thuận lợi, đúng dự kiến và đạt hiệu quả cao.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng qui trình đã được qui định như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá (19/11/2020)

2. Lập kế hoạch tự đánh giá (19/11/2020).

3. Thu thập, xử lí và phân tích các minh chứng (20/11/2020 -31/01/2021).

4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí (01/01/2021-20/01/2021).

5. Viết báo cáo tự đánh giá (21/01/2021-01/02/2021).

6. Công bố báo cáo tự đánh giá (đầu tháng 02/2021).

7. Gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo: tháng 3/2021.

3.2. Vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí và chỉ báo của Mức 1, 2, 3 theo qui định. Mỗi tiêu chí được mô tả hiện trạng rõ ràng, các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày theo đúng với thực tế, kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của trường.

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu. Báo cáo tự đánh giá này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao quản lí chất lượng giáo dục của nhà trường trong những năm học tiếp theo.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lí nhà trường**

**Mở đầu:**

Cơ cấu tổ chức và công tác quản lí của trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh thường xuyên được cải tiến, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với qui định của Điều lệ trường trung học; góp phần tạo điều kiện thuận lợi để tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường phấn đấu dạy tốt, học tốt; nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu của giáo dục Trung học cơ sở được qui định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01]. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường có các thông tin, chỉ số phù hợp với định hướng trong Nghị quyết Đảng bộ xã Nhị Bình (nhiệm kỳ 2020-2025) và phù hợp với nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch chiến lược nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược nhà trường đã được niêm yết công khai tại bản tin của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường chưa có giải pháp thiết thực, cụ thể nhằm giám sát, rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

Mức 3:

Nhà trường chưa định kỳ thực hiện lấy ý kiến Hội đồng trường, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng nhằm bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường so với tình hình thực tế.

**2. Điểm mạnh**

Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020- 2025 được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và công bố công khai.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có giải pháp thiết thực nhằm rà soát, điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển của nhà trường. Chiến lược phát triển nhà trường chưa định kỳ thực hiện lấy ý kiến Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung trong chiến lược phát triển; đồng thời định kỳ lấy ý kiến của toàn đơn vị để bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường phù hợp với tình hình thực tế.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Hội đồng trường được thành lập theo qui định tại Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học, Hội đồng trường có 13 thành viên [H1-1.2-01]. Nhà trường còn thành lập Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-02], Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.2-03] do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ra quyết định hằng năm. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-04], Hội đồng coi và chấm kiểm tra học kỳ [H1-1.2-05], Hội đồng coi và chấm kiểm tra lại hằng năm [H1-1.2-06].

b) Các hội đồng trong nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quyết định thành lập: quyết nghị chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển nhà trường; qui chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát thực hiện quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện qui chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-07].

c) Hoạt động của Hội đồng trường được thực hiện rà soát, đánh giá hằng năm nhằm rút kinh nghiệm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Từ đó, đề xuất biện pháp khắc phục đối với những hạn chế, thiếu sót [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

Mức 2:

Hội đồng trường và các Hội đồng khác trong nhà trường hoạt động đúng theo qui định, các nội dung hoạt động có liên quan đến nhà trường được báo cáo, đưa ra hội đồng thảo luận, bàn bạc và thống nhất thông qua một cách công khai, minh bạch, đảm bảo qui chế dân chủ nên đã góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường [H1-1.2-08]. Tuy nhiên, Hội đồng trường chưa có giải pháp hữu hiệu nhằm giúp nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H2-1.2-09].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các Hội đồng theo qui định.

Hằng năm, nhà trường có đánh giá, rà soát hoạt động của các hội đồng, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Hội đồng trường hoạt động hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, xây dựng lực lượng cốt cán mạnh dạn đóng góp nhiều sáng kiến xây dựng nhà trường.

Hiệu trưởng tiếp tục phát huy vai trò, chức năng của các hội đồng trong hoạt động giám sát, xây dựng nhà trường.

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng phối hợp cùng hội đồng trường trong việc rà soát, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và giáo dục của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo qui định: Ban chấp hành Công đoàn nhà trường gồm 05 đồng chí, có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam [H1-1.3-01]; Ban chấp hành chi đoàn trường gồm 05 đồng chí, có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-02]; Liên đội trường có cơ cấu tổ chức theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-03].

b) Hằng tháng, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường tiến hành họp định kỳ để kiểm điểm công tác, rút kinh nghiệm công tác tháng trước và triển khai nhiệm vụ hoạt động của tháng sau nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục và được các cấp có thẩm quyền khen thưởng [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

c) Cuối năm, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh đều thực hiện họp rà soát, đánh giá các hoạt động của mình theo qui định chung [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh có 22 đảng viên, Chi ủy trường gồm 03 đồng chí được Đại hội chi bộ bầu ra và được Đảng ủy xã Nhị Bình ra Quyết định chuẩn y [H1-1.3-07]. Chi bộ sinh hoạt đúng Điều lệ đảng mỗi tháng một lần nhằm kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết tháng trước; xây dựng nghị quyết tháng sau; học tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và của cấp ủy địa phương; sinh hoạt chuyên đề [H1-1.3-08].

Chi bộ nhà trường từ năm 2016 đến năm 2020 được Đảng ủy xã Nhị Bình đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-08].

b) Các tổ chức trong trường hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. Công đoàn thực hiện đúng chức năng, thật sự làm nòng cốt trong phong trào thi đua [H1-1.3-09]; Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn tiên phong trong các hoạt động giáo dục cũng như hoạt động phong trào của Đoàn xã Nhị Bình [H1-1.3-10]; Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và địa phương [H1-1.3-11].

Mức 3:

a) Chi bộ nhà trường từ năm 2016 đến năm 2020 có 03 năm được đánh giá trong sạch vững mạnh, riêng năm 2018, 2019 được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-08].

b) Công đoàn từ năm 2016 đến năm 2020 đạt vững mạnh [H1-1.3-10]. Hoạt động của tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đóng góp tích cực, hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường; tham gia tốt các hoạt động của ngành và xã Nhị Bình [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11]. Các tổ chức đoàn thể chỉ tập trung hoạt động trong nhà trường nhưng mức độ lan tỏa ra cộng đồng tại địa phương còn hạn chế.

**2. Điểm mạnh**

Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

**3. Điểm yếu**

Các tổ chức đoàn thể chỉ tập trung hoạt động trong nhà trường nhưng mức độ lan tỏa ra cộng đồng tại địa phương còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng lãnh đạo các đoàn thể tiếp tục phát huy thành tích đã đạt được. Hiệu trưởng phân công các Phó Hiệu trưởng giám sát, phối hợp các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và các đoàn thể địa phương trong việc tổ chức các hoạt động có sự tham gia nhiều hơn của các tổ chức xã hội tại địa phương.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn bổ nhiệm theo đúng qui định [H1-1.4-01].

b) Trường có 06 tổ chuyên môn gồm: tổ Ngữ văn, tổ Toán, tổ tiếng Anh, tổ Lịch sử - Địa lí - Giáo dục công dân, tổ Vật lí - Hóa học - Sinh học, tổ Kĩ thuật và tổ văn phòng, mỗi tổ có tổ trưởng do Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm vào đầu mỗi năm học [H1-1.4-02].

c) Đầu năm học, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng căn cứ vào kết quả đạt được của tổ trong năm học trước, căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ [H1-1.4-03]. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt 02 lần/tháng theo đúng qui định của Điều lệ trường trung học [H1-1.4-03]. Tuy nhiên, các tổ ghép khi lên tiết thao giảng trường thường không đúng ngày chuyên môn do ngày nghỉ bộ môn của các môn khác nhau.

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn có thực hiện chuyên đề chuyên môn nhằm đẩy mạnh đổi mới hoạt động chuyên môn theo định hướng chung của ngành và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường: “Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học”, “Dạy học theo định hướng STEM” [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường theo từng học kỳ nhằm khắc phục tồn tại để điều chỉnh, bổ sung cho học kỳ tiếp theo [H1-1.2-08].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn trong nhà trường điều chỉnh nội dung sinh hoạt, chuyên môn và tổ văn phòng đã có những hoạt động chất lượng, đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ trong việc nâng cao chất lượng dạy và học [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

b) Tổ chuyên môn thực hiện chưa hiệu quả các chuyên đề nên còn hạn chế trong việc nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

**2. Điểm mạnh**

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hằng năm có xây dựng kế hoạch, có tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng dạy và học, các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học, các hội thi khoa học kĩ thuật cấp trường tạo sân chơi bổ ích cho học sinh.

**3. Điểm yếu**

Các tổ ghép khi lên tiết thao giảng trường thường không đúng ngày chuyên môn do ngày nghỉ bộ môn của các môn khác nhau.

Hiệu quả các chuyên đề chuyên môn chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm 2021- 2022, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các phó hiệu trưởng và các tổ trưởng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các hoạt động tổ, đánh giá hiệu quả các chuyên đề từ đó nâng cao chất lượng giáo dục toàn trường.

Từng bước từ năm 2021- 2022, Hiệu trưởng sắp xếp, tuyển dụng theo đúng, đủ số lượng theo vị trí việc làm và thành lập các tổ chuyên môn riêng biệt khi đủ số lượng. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xếp thời khoá biểu có buổi nghỉ chung cho các tổ chuyên môn ghép để thực hiện tốt công tác sinh hoạt tổ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

*a) Có đủ các lớp của cấp học;*

*b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định.*

Mức 3:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2020 - 2021, trường có bốn khối đủ các lớp theo qui định của cấp học: 10 lớp 6, 10 lớp 7, 8 lớp 8, và 7 lớp 9 [H1-1.5-01].

b) Trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh có 1404 học sinh biên chế thành 35 lớp học. Mỗi lớp có lớp trưởng và lớp phó do tập thể lớp bầu ra; mỗi lớp được chia thành 04 tổ; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong tổ bầu ra [H1-1.5-02].

c) Các lớp học được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ: các em học sinh đều được đối xử công bằng, bình đẳng không có sự phân biệt đối xử; trong các lớp học mọi việc đều được đưa ra bàn bạc và có sự nhất trí cao của cả lớp [H1-1.5-02].

Mức 2:

Từ năm học 2016 - 2017 đến nay, trường có sĩ số học sinh trong các lớp đảm bảo theo qui định bình quân dưới 45 em [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trường có 35 lớp, sĩ số học sinh bình quân trong lớp là trên 40,11 học sinh không đáp ứng theo yêu cầu về số lớp và số học sinh trên lớp [H1-1-05-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường cơ cấu tổ chức lớp theo đúng qui định. Các lớp học được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

**3. Điểm yếu**

Số lượng học sinh sĩ số học sinh bình quân trong lớp là trên 40,11 học sinh không đáp ứng theo yêu cầu về số lớp và số học sinh trên lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021- 2022, Hiệu trưởng nhà trường sẽ sắp xếp bố trí lại số học sinh trên lớp nhằm giảm số học sinh để đảm bảo số lượng lớp học và số học sinh trong lớp theo đúng qui định Điều 15 Điều lệ trường trung học.

Từ năm học 2020 - 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phát huy hoạt động tự quản, dân chủ của lớp để mọi hoạt động trường đều được công khai minh bạch.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.6: Quản lí hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lí, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lí hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lí hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo qui định của Luật lưu trữ: Sổ đăng bộ [H1-1.6-01]; sổ chuyển đi, chuyển đến [H1-1.6-02]; sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.5-01]; sổ ghi đầu bài [H1-1.6-03]; học bạ học sinh [H1-1.6-04]; sổ quản lí cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-05]; hồ sơ thi đua [H1-1.6-06]; sổ theo dõi công văn đến, công văn đi [H1-1.6-07]; sổ quản lí tài sản, thiết bị giáo dục [H1-1.6-08]; hồ sơ quản lí thư viện [H1-1.6-09]; hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh [H1-1.6-10]; hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật [H1-1.6-11] . Đối với tổ chuyên môn: Sổ ghi kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn và sổ biên bản ghi nội dung các cuộc họp chuyên môn [H1-1.4-03]. Đối với giáo viên: Giáo án [H1-1.6-12]; Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn [H1-1.6-13], sổ dự giờ [H1-1.6-14]; sổ điểm cá nhân [H1-1.6-15]; sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp) [H1-1.5-03].

b) Trường thực hiện đầy đủ việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản [H1-1.6-16]. Niêm yết công khai và định kỳ hằng năm tự kiểm tra tài chính, tài sản theo qui định [H1-1.6-17]. Qui chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các qui định hiện hành [H1-1.6-18].

c) Quản lí và sử dụng tài chính, tài sản theo Luật quản lí, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017, đúng qui chế, đúng mục đích đạt hiệu quả, đảm bảo các hoạt động giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh, đồng thời góp phần ổn định tăng thu nhập cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-16].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện quản lí hành chính, tài chính và tài sản thông qua hệ thống các phần mềm: web trường (http://thcsdangcongbinh.hcm.edu.vn), cơ sở dữ liệu ngành (http://truong.csdl.moet.gov.vn), phần mềm kế toán (Imas), phần mềm khai thuế, phần mềm khai nộp bảo hiểm xã hội và thực hiện báo cáo trực tuyến 100% theo yêu cầu [H1-1.6-19].

b) Từ năm 2016 đến năm 2020, nhà trường không có vi phạm liên quan về hoạt động quản lí tài chính; tài sản tại đơn vị [H1-1.6-20].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục [H1-1.6-16].

**2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện đầy đủ hồ sơ quản lí về mặt hành chánh, hồ sơ được cập nhật và bảo quản đúng qui định..

Các văn bản qui định về tài chính của Nhà nước, ngành và các cấp quản lí đã được nhà trường thực hiện đầy đủ và đúng qui định. Công tác báo cáo tài chính và lưu trữ hồ sơ, chứng từ đảm bảo theo qui định.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021- 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận hành chánh tiếp tục phát huy những mặt đã làm được và có những giải pháp cải tiến để công tác này ngày càng hoàn thiện.

Năm học 2021- 2022, Hiệu trưởng nghiên cứu, phối hợp cùng nhân viên kế toán xây dựng kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương hỗ trợ hoạt động giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.7: Quản lí cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; nhà trường có cử cán bộ, giáo viên và nhân viên đi học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chính trị, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ quản lí... [H1-1.2-09]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-06].

b) Nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý dựa trên năng lực, điều kiện hoàn cảnh nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên nhà trường được đảm bảo các quyền theo qui định của Điều lệ trường trung học như: được tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn; được cử học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ,... [H1-1.7-01]; được tham gia các hội thi, hội thao của ngành [H1-1.7-03]; được chăm lo đầy đủ các chế độ, chính sách của nhà giáo; được tham quan học tập ngoại khóa [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường và năng lực để phát huy năng lực của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục; luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí để giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ [H1-1.7-02]; [H1-1.7-06]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có kế hoạch bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường theo qui định của Luật Cán bộ, Công chức; Luật Viên chức; Luật Lao động; Điều lệ trường trung học và các qui định khác của pháp luật.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có kế hoạch bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sắp xếp cho giáo viên bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm.

Hiệu trưởng cùng các tổ chức trong nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác qui hoạch đội ngũ, chú ý đến đối tượng giáo viên và nhân viên trẻ để phát huy năng lực.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.8: Quản lí các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lí đánh giá đạt hiệu quả. Quản lí hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học và cụ thể hóa nội dung, thời gian thực hiện theo từng tháng phù hợp với qui định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.4-06].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch giáo dục đã đề ra từ đầu năm học [H1-1.6-03]; [H1-1.6-12].

c) Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra hoạt động thực hiện chương trình của giáo viên thông qua thời khóa biểu, sổ ghi đầu bài [H1-1.8-01]. Các tổ chuyên môn hằng tháng họp theo đúng chế độ và rà soát hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn, xây dựng điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-03].

Mức 2:

Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục được Phòng giáo dục và Đào tạo đánh giá tốt [H1-1.8-02].

Hằng năm, Hiệu trưởng có triển khai các qui định về dạy thêm, học thêm đến toàn thể giáo viên, nhân viên trong buổi họp toàn đơn vị [H1-1.2-07]. Việc kiểm tra hoạt động dạy thêm của giáo viên ngoài nhà trường chưa được thực hiện tốt.

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; có rà soát, đánh giá điều chỉnh kịp thời phù hợp với các văn bản chỉ đạo giúp cho trường luôn đạt kết quả cao trong giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Việc kiểm tra hoạt động dạy thêm của giáo viên ngoài nhà trường chưa được thực hiện tốt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các tổ xây dựng và điều chỉnh thường xuyên kế họach giáo dục sao cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế địa phương; bên cạnh đó, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phối hợp với địa phương để kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động được lấy ý kiến của để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch năm học, nội qui, qui định, qui chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thể hiện qua biên bản Hội nghị Công chức- Viên chức hằng năm của trường [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]. Tuy nhiên, còn một vài thành viên ngại va chạm, không mạnh dạn góp ý xây dựng các kế hoạch, qui chế của trường [H1-1.9-03].

b) Các khiếu nại, tố cáo không có; riêng các kiến nghị về cơ sở vật chất, chuyên môn của tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được Hiệu trưởng giải quyết đúng pháp luật, thỏa đáng [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

c) Hằng năm nhà trường thực hiện đầy đủ báo cáo về việc thực hiện qui chế dân chủ cơ sở tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức [H1-1.9-02].

Mức 2:

Quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường được công khai bằng văn bản đến cấp ủy trực tiếp, Ban chấp hành công đoàn, các tổ trưởng, yêu cầu thông báo đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ [H1-1.9-02]. Ban thanh tra Nhân dân cùng toàn thể công đoàn viên giám sát việc thực hiện qui chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt Qui chế dân chủ trong nhà trường.

Hiệu trưởng phối hợp chặt chẽ với Ban chấp hành Công đoàn và Ban thanh tra Nhân dân trong hoạt động giám sát thực hiện Qui chế dân chủ tại đơn vị.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường xử lí kịp thời các phản ánh của phụ huynh nhưng chưa cập nhật hồ sơ tiếp công dân đầy đủ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021 - 2022 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì phối hợp việc xây dựng kế hoạch và giám sát thực hiện Qui chế dân chủ theo đúng qui định.

Từ năm học 2021- 2022, Hiệu trưởng cùng các Phó hiệu trưởng cập nhật hồ sơ tiếp công dân khi xử lí các phản ánh, khiếu nại từ phụ huynh và các bộ phận.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự đồng thời phối hợp với công an xã để thực hiện đạt hiệu quả [H1-1.10-01]; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống cháy, nổ, an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]. Nhà trường hợp đồng với công ty được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm để cung cấp suất ăn trưa cho học sinh [H1-1.10-08].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý trước phòng tiếp công dân, công khai số điện thoại lãnh đạo nhà trường để tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân, nhưng số lượng tham gia của phụ huynh chưa nhiều [H1-1.4-05]; có phương án đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-03].

c) Trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới. Học sinh luôn đoàn kết và giúp đỡ nhau trong sinh hoạt và học tập. Công tác tuyên truyền phòng chống bạo lực luôn được nhà trường quan tâm thực hiện thông qua các giờ sinh hoạt dưới cờ, các buổi giáo dục kĩ năng sống [H1-1.4-05]; [H1-1.10-02].

Mức 2:

a) Nhà trường phối hợp với công an địa phương tập huấn cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-02]; cán bộ y tế thường xuyên sinh hoạt các nội dung vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống dịch bệnh trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, họp toàn đơn vị [H1-1.10-02]; [H1-1.10-07]. Các lực lượng trong nhà trường phối hợp tuyên truyền phòng, chống các tệ nạn xã hội, phòng, chống bạo lực trong nhà trường, có phân công cụ thể [H1-1.10-02].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua giám thị, giáo viên chủ nhiệm, đội sao đỏ [H1-1.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường phối hợp tốt với các cơ quan an ninh và công an địa phương trong việc thực hiện đảm bảo an ninh trật tự.

**3. Điểm yếu**

Hộp thư góp ý của nhà trường chưa đạt hiệu quả vì người dân tham gia chưa nhiều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các bộ phận thực hiện tốt kế hoạch đảm bảo an toàn trường học.

Từ năm học 2021-2022, trong cuộc họp cha mẹ học sinh Hiệu trưởng tuyên truyền ý nghĩa hộp thư góp ý của nhà trường để nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh và thu hút nhiều cha mẹ học sinh tham gia.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

**- Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường trung học cơ sở. Các bộ phận từ các đoàn thể đến các tổ chuyên môn, văn phòng đều hoạt động đồng bộ theo sự lãnh đạo của Chi bộ. Các bộ phận trong quá trình hoạt động đều có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Điều đó đã làm nên sức mạnh to lớn, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

**- Điểm yếu cơ bản:**

Nhà trường chưa có kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**- Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:**

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/10.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/10.

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 00/05.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 05/05.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:** Đội ngũ cán bộ quản lí có trình độ đào tạo trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lí luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lí giáo dục theo qui định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đều đạt qui định chung về chuẩn nghề nghiệp. Học sinh đảm bảo về tuổi đi học và được đảm bảo các quyền theo qui định.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lí giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lí nhà trường có trình độ đạt chuẩn theo qui định: Trình độ chuyên môn Đại học và thời gian công tác đúng qui định [H2-2.1-01]. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều đạt chuẩn qui định, hoàn thành các lớp bồi dưỡng tập huấn về chính trị và có bằng trung cấp chính trị, hoàn thành chương trình bồi dưỡng hiệu trưởng trường Trung học cơ sở do trường Cán bộ quản lí Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức [H2-2.1-01].

b) Hàng năm đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư 29/2009/TT-BGDĐT (Từ năm học 2018 - 2019 đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT) được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có trình độ đại học trong đó Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng đang theo học cao học; hằng năm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, tham gia bồi dưỡng thường xuyên và tham gia đợt tập huấn nghiệp vụ quản lí giáo dục theo qui định [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Từ năm 2016 đến 2020, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được toàn đơn vị và lãnh đạo đánh giá ở mức khá trở lên theo qui định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-02].

b) Cán bộ quản lí có giấy chứng nhận trung cấp lý luận chính trị theo qui định [H2-2.1-01]. Hằng năm, nhà trường lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên về công tác quản lí giáo dục của nhà trường, cán bộ quản lí luôn có phẩm chất chính trị tốt được giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm cao [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được Hội đồng sư phạm và lãnh đạo đánh giá ở mức khá trở lên theo Qui định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-02]. Tuy nhiên Hiệu trưởng nhà trường mới được bổ nhiệm vào tháng 11/2020 và 01 Phó Hiệu trưởng mới bổ nhiệm vào tháng 9/2020.

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được toàn đơn vị và lãnh đạo đánh giá ở mức khá trở lên theo qui định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở.

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng luôn tích cực học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ công tác quản lí.

**3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng nhà trường mới được bổ nhiệm vào tháng 11/2020 và 01 Phó Hiệu trưởng mới bổ nhiệm vào tháng 9/2020 chưa có nhiều kinh nghiệm trên vị trí mới nên đôi lúc gặp khó khăn trong công tác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tự bồi dưỡng, học hỏi thêm kinh nghiệm quản lí, đổi mới phương pháp quản lí phù hợp với điều kiện thực tiễn và qui mô phát triển nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

*a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường có 41 giáo viên diện hợp đồng không xác định thời hạn và 14 giáo viên hợp đồng khoán, thỉnh giảng ở một số môn như Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục, Sinh học, Toán học, Giáo dục công dân, Địa lí, Ngữ văn, Tin học,... đảm bảo đủ số lượng giáo viên, cơ cấu cho tất cả các môn học theo qui định tại Thông tư 16/2017/TT-BGD-ĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; và được bố trí, phân công nhiệm vụ theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có giáo viên chuyên trách tư vấn học đường.

b) Tại thời điểm tự đánh giá, 100% giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ theo qui định Điều lệ trường trung học [H2-2.2-03].

c) Từ năm 2015 - 2016 đến nay, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 - 2020, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần. Năm học 2019 - 2020, số giáo viên trên chuẩn là là 36/41 - Tỉ lệ: 87.8%, trong đó có 02 giáo viên có trình độ Thạc sĩ [H2-2.2-03].

b) Từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019- 2020, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, 60% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-04].

c) Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh [H2-2.2-06]; [H2-2.2-07]; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học [H2-2.2-05]; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Từ năm 2015 - 2016 đến năm 2019 - 2020 có 80% trở lên giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó trên 16.6% trở lên giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt trở lên [H2-2.2-04].

b) Từ năm học 2015 - 2016 trường chưa có giáo viên báo cáo kết quả khoa học.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có 100% giáo viên có trình độ chuẩn, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần.

Trường có 60% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có giáo viên chuyên trách làm công tác tư vấn học đường cho học sinh.

Nhà trường còn nhiều giáo viên họp đồng khoán, thỉnh giảng ở một số môn học như Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục, Sinh học, Toán học, Giáo dục công dân, Địa lí, Ngữ văn, Tin học. Giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học nhưng chưa đạt giải trong cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học do Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021- 2022, các Phó hiệu trưởng phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động nhằm phát huy tính tích cực của giáo viên, đặc biệt là các hoạt động về nghiên cứu khoa học.

Từ năm học 2021- 2022, Hiệu trưởng nhà trường lập kế hoạch tuyển dụng đủ số lượng theo vị trí việc làm.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên phụ trách các bộ phận của nhà trường theo qui định của Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, bao gồm: 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên học vụ hợp đồng, 01 nhân viên y tế, 04 nhân viên phục vụ và 04 nhân viên bảo vệ [H2-2.2-01].

b) Các nhân viên đều có trình độ từ trung cấp trở lên đạt các yêu cầu theo qui định, thực hiện nhiệm vụ theo đúng phân công, phù hợp năng lực chuyên môn, và được bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí công việc [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

c) Nhân viên nhiệt tình, có trách nhiệm, chủ động trong công tác, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đánh giá công chức, viên chức cuối năm có 100% nhân viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có 01 văn thư phân công nhiệm vụ thủ quĩ, 01 y tế, 01 thư viện, 01 thiết bị (Hợp đồng), 01 thủ quĩ phân công nhiệm vụ kế toán, 04 bảo vệ, 01 học vụ, nhà trường chưa tuyển được nhân viên công nghệ thông tin [H2-2.2-01].

b) Từ năm 2015 đến nay, nhà trường không có trường hợp nhân viên bị kỉ luật từ cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp theo chuyên ngành, nhân viên văn thư và thư viện có bằng trung cấp, nhân viên thiết bị chưa có bằng đúng vị trí việc làm, chưa tuyển được nhân viên công nghệ thông tin [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, đội ngũ nhân viên nhà trường tham dự đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo từng vị trí việc làm do ngành tổ chức [H2-2.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường bố trí đầy đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo qui định. Tất cả nhân viên nhà trường đều có ý thức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, 100% nhân viên đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hằng năm.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường còn nhân viên thiết bị chưa có bằng đúng vị trí việc làm và chưa tuyển được nhân viên công nghệ thông tin.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021- 2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch công tác định kì và tạo điều kiện cho các vị trí nhân viên chưa đủ bằng cấp đúng vị trí việc làm học tập nâng cao có đủ yêu cầu vị trí đảm nhiệm.

Từ năm học 2021- 2022, Hiệu trưởng nhà trường lập kế hoạch tuyển dụng vị trí nhân viên công nghệ thông tin.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) 100% học sinh đảm bảo qui định về độ tuổi theo Điều 37 của Điều lệ trường trung học: Học sinh lớp 6 là 11 tuổi, lớp 7 là 12 tuổi, lớp 8 là 13 tuổi và lớp 9 là 14 tuổi [H1-1.5-01].

b) Đầu năm học, trường đã tổ chức cho học sinh học tập nội qui, qui định về nhiệm vụ, hành vi học sinh, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo qui định [H2-2.4-01]. Tổng hợp đánh giá xếp loại hạnh kiểm học sinh các lớp hằng năm đạt 98% trở lên; Các báo cáo của nhà trường hằng năm đều có nội dung đánh giá việc học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và thực hiện qui định về hành vi học sinh không được làm; Đa số học sinh của trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh, thực hiện tốt hành vi, ngôn ngữ, ứng xử theo qui định [H2-2.4-02].

c) 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền như: Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện; Được tôn trọng và bảo vệ; Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; Được nhận học bổng hoặc trợ cấp…theo qui định tại Điều 39 Điều lệ trường trung học, Luật trẻ em và các quyền khác theo qui định của pháp luật [H2-2.4-03]; [H2-2.4-04]; học sinh được khám sức khỏe hằng năm [H1-1.6-10];

Mức 2:

Nhà trường phối kết hợp chặt chẽ giữa giáo viên chủ nhiệm, giám thị, tổng phụ trách và cha mẹ học sinh trong các hoạt động giáo dục học sinh để có biện pháp giáo dục phù hợp giúp các em chuyển biến tích cực, xong còn một số học sinh chưa ngoan, thực hiện các nhiệm vụ chưa đúng và các biện pháp giáo dục học sinh chưa ngoan đạt hiệu quả không cao [H2-2.4-02]. [H1-1.4-05].

Mức 3:

Định kì, các buổi sinh hoạt dưới cờ, Hiệu trưởng phối hợp cùng Tổng phụ trách luôn có hình thức khen thưởng, vinh danh tập thể lớp và học sinh có thành tích trong học tập, tiến bộ trong rèn luyện nhằm tạo ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-04].

**2. Điểm mạnh**

100% học sinh đảm bảo qui định về độ tuổi theo Điều lệ trường trung học. 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền qui định.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn một số ít học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập và nội qui nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng phối hợp cùng các Phó hiệu trưởng chỉ đạo khai thác triệt để hệ thống tin nhắn điện tử trong chế độ thông tin đến từng phụ huynh học sinh, đổi mới hình thức giáo dục đạo đức, kĩ năng sống để học sinh thực hiện ngày càng tốt hơn nhiệm vụ của mình trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

**- Điểm mạnh nổi bật:**

Tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần.

100% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

Nhà trường không có giáo viên và nhân viên bị kỷ luật; 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo qui định của Điều lệ trường trung học và các qui định khác của pháp luật.

**- Điểm yếu cơ bản:**

Nhà trường còn nhân viên chưa có bằng cấp đúng vị trí việc làm.

Vẫn còn một số ít học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập và nội qui nhà trường.

**- Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:**

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/04.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/04.

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 00/04.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/04.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**: Cơ sở vật chất và trang thiết bị nhà trường đáp ứng tốt cho hoạt động dạy học, sinh hoạt của giáo viên, học sinh theo qui định chung. Hằng năm, trường đều thực hiện việc sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao hiệu quả công tác.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

*c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

*Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.*

Mức 3:

*Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh có khuôn viên riêng biệt an toàn với tổng diện tích: 10852 m2[H3-3.1-01]. Trường đã tạo được một khuôn viên cây xanh với cảnh quan môi trường luôn xanh, sạch, đẹp [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có sân chơi, cổng chính và biển trường khang trang, xung quanh trường có tường rào bao bọc đúng quy cách [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Khu sân chơi có vẽ sân cầu lông; sân bóng chuyền, có đủ thiết bị tối thiểu như nệm, lưới bóng chuyền, lưới cầu lông, bóng… đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-02].

Mức 2:

Trường có sân chơi, bãi tập đáp ứng được yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-02].

Mức 3:

Tổng diện tích mặt bằng của nhà trường: 10852 m2, diện tích bình quân tính theo đầu học sinh đạt 7.7 m2, diện tích sân chơi bãi tập 1954 m2 chiếm tỉ lệ 18.0% so với diện tích đất của trường [H3-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường có diện tích bình quân tính theo đầu học sinh đạt 7.7 m2, diện tích sân chơi bãi tập 1954 m2 chiếm tỉ lệ 18.0% chưa đạt theo yêu cầu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận tiếp tục duy trì sân chơi bãi tập xanh sạch đẹp, phối hợp cùng các tổ chức trong và ngoài nhà trường, huy động nguồn lực hợp pháp cải tạo, trang bị thêm thiết bị cho sân chơi, bãi tập nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu sinh hoạt, vui chơi của học sinh.

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng nhà trường tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng kế hoạch tuyển sinh nhằm tăng dần diện tích trên mỗi học sinh.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

*a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

*b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

*c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2:

*a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3

*Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Phòng học có 22 bàn đôi, 44 ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có 02 bảng viết, 12 bóng đèn đảm bảo đủ điều kiện về ánh sáng, có cửa sổ và 02 cửa ra vào đảm bảo thoáng mát; đảm bảo học hai buổi trên ngày [H3-3.2-01].

b) Nhà trường có 04 phòng học bộ môn Sinh học, Hóa học, Vật lí, Công nghệ, 04 phòng thực hành vi tính có kết nối internet phục vụ dạy học, có 03 phòng được trang bị hệ thống bảng tương tác và 01 phòng học được trang bị máy chiếu [H3-3.1-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

c) Nhà trường có đủ các phòng Đoàn - Đội, thư viện, phòng truyền thống và được trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện, tranh ảnh đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giáo dục [H3-3.2-05].

Mức 2:

a) Phòng học (diện tích 48 m2/phòng), phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo qui định [H3-3.2-02]; [H3-3.2-02]. Phù hợp hoạt động học tập của học sinh hòa nhập khuyết tật [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có đủ các khối phòng phục vụ học tập; có phòng hành chính, phòng nghỉ cho giáo viên đảm bảo qui định, đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu cho hoạt động dạy và học, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường [H3-3.1-01].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn chưa trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo qui định và trường không có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường có các phòng học, được xây dựng đúng qui cách.

**3. Điểm yếu**

Phòng học bộ môn chưa trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo qui định.

Trường không có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bổ sung, cải tạo các phòng học bộ môn và trang bị dần các thiết bị dạy học; bên cạnh đó chuẩn bị một phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 1.

**Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

Mức 1:

*a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

*c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

*Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.*

Mức 3:

*Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khu hành chính gồm: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 phòng giáo viên; 01 phòng giáo vụ; 01 phòng kế toán tài vụ; 01 phòng y tế; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng Đoàn Đội; 01 phòng truyền thống; 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị đáp ứng hoạt động của trường [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

b) Nhà trường có 01 khu vực để xe cho giáo viên được bố trí cạnh phòng bảo vệ và học sinh trong khuôn viên hai bên dãy phòng học, thoáng mát, bố trí phù hợp, đảm bảo trật tự, an toàn [H3-3.1-02].

c) Hàng quý nhà trường kiểm tra, sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị như: máy tính, máy in, máy photo [H3-3.3-02]; [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị đúng theo qui định: 01 phòng hiệu trưởng diện tích 24m2; 02 phòng phó hiệu trưởng diện tích 24m2; 01 phòng giáo viên; 01 phòng giáo vụ diện tích 48m2; 01 phòng kế toán tài vụ diện tích 48m2; 01 phòng y tế diện tích 24m2; 01 phòng bảo vệ diện tích 12m2 [H3-3.3-01]. Phòng nghỉ cho giáo viên diện tích nhỏ nhưng trang bị đủ quạt, đèn đảm bảo được điều kiện sức khỏe, an toàn, cho giáo viên, nhân viên [H3-3.3-04].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho công tác như máy in, máy tính được kết nối Internet và được sắp xếp hợp lý, khoa học, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường năm [H3-3.3-05]. Trường chưa có kho lưu trữ hồ sơ hằng năm.

**2. Điểm mạnh**

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho công tác như máy in, máy tính được kết nối Internet và được sắp xếp hợp lý, khoa học, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Khối phòng hành chính bố trí chưa hợp lí. Chưa có kho lưu trữ hồ sơ hằng năm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo phát huy việc đảm bảo cung cấp đầy đủ các trang thiết bị khối hành chính - quản trị và có kế hoạch bố trí kho lưu trữ hồ sơ và sắp xếp bố trí lại các phòng cho phù hợp.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khu vệ sinh được bố trí hợp lý riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ. Vị trí khu vệ sinh phù hợp với cảnh quan trường học, thuận tiện, sạch sẽ [H3-3.1-01]. Nhà vệ sinh vững chắc, sạch sẽ, hợp vệ sinh, thoáng, có đủ ánh sáng, đáp ứng được nhu cầu của tất cả học sinh kể cả học sinh khuyết tật hòa nhập [H3-3.4-01].

b) Trường có nguồn nước máy phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, có tổ chức phục vụ nước uống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo tiêu chuẩn qui định [H3-3.4-02]. Cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu cho học sinh các khối, có hệ thống thoát nước, thu gom và xử lí chất thải đáp ứng đúng qui định đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

c) Nhà trường kí kết hợp đồng với Công ty Dịch vụ công ích thu gom rác thải nên việc thu gom rác hàng ngày đảm bảo yêu cầu, không ô nhiễm đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trường lớp [H3-3.4-04]. Tuy nhiên một vài học sinh chưa thực hiện tốt việc phân loại rác tại nguồn.

Mức 2:

a) Nhà vệ sinh nằm ngay ở cạnh hành lang thoáng mát, sạch sẽ đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng qui định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế qui định về công tác y tế trường học. Hệ thống thoát nước và xử lý chất thải đáp ứng đúng qui định đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ vệ sinh, có thùng rác đúng qui định để phân loại rác; không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường. Hệ thống cống, rãnh để dẫn thoát nước mưa, nước thải đảm bảo kín không rò rỉ, ứ đọng gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05]

**2. Điểm mạnh**

Khu vệ sinh được bố trí hợp lý cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ. Vị trí khu vệ sinh phù hợp với cảnh quan trường học thuận tiện, thoáng mát, sạch sẽ.

**3. Điểm yếu**

Một vài học sinh chưa thực hiện tốt việc phân loại rác tại nguồn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy việc bố trí hợp lý khu nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; bên cạnh đó chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phối hợp giữa các bộ phận Chi đoàn và Liên đội, y tế, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tuyên truyền giáo dục học sinh giữ gìn vệ sinh chung, thực hiện tốt phân loại rác tại nguồn thông qua tiết sinh hoạt dưới cờ, tiết sinh hoạt chủ nhiệm, tiết hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lí, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đủ các thiết bị: Máy vi tính, máy in, máy photocopy, hệ thống loa phát thanh và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-05]; [H1-1.6-08].

b) Phòng thiết bị có đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu cho từng bộ môn theo qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo để phục vụ giảng dạy và học tập [H3-3.5-02]. Giáo viên thực hiện đúng yêu cầu về việc sử dụng trang thiết bị dạy và học trong các giờ lên lớp [H3-3.3-05].

c) Hằng năm, nhà trường chỉ đạo các bộ môn tiến hành kiểm kê, đánh giá thực trạng đồ dùng dạy học để đề xuất sửa chữa và bổ sung mới [H3-3.3-02].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính phục vụ các hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu bao gồm 126 máy phục vụ dạy học và 12 máy phục vụ công tác hành chính, chuyên môn, đoàn thể đều kết nối internet [H3-3.5-01].

b) Thiết bị dạy học tại phòng thiết bị được trang bị đầy đủ phục vụ giảng dạy [H3-3.5-02]. Tuy nhiên, thiết bị thực hành tại phòng học bộ môn chưa đảm bảo đầy đủ [H3-3.5-03].

c) Đầu mỗi năm học, các Phó Hiệu trưởng triển khai đến tổ chuyên môn việc rà soát thiết bị dạy học và tiến hành đề xuất bổ sung theo nhu cầu giảng dạy [H3-3.3-02]; [H3-3.3-03]. Giáo viên tự làm một số đồ dùng dạy học không có trong danh mục, bổ sung thiết bị dạy học [H3-3.5-04].

Mức 3:

Các phòng thí nghiệm, thực hành của trường chưa trang bị tốt thiết bị thực hành giúp phòng học bộ môn hoạt động đạt hiệu quả cao [H3-3.5-03]. Tất cả giáo viên đều đảm bảo sử dụng đồ dùng dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập trong các giờ lên lớp [H3-3.5-05]. Các đồ dùng dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả [H3-3.5-04].

**2. Điểm mạnh**

Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp và tự làm một số đồ dùng dạy học của giáo viên đảm bảo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**3. Điểm yếu**

Trang thiết bị tại các phòng học bộ môn chưa đảm bảo đầy đủ.

Các đồ dùng dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thiết bị tiến hành kiểm kê, thanh lý những thiết bị lỗi thời; tiếp tục kiểm tra, rà soát, đánh giá việc sử dụng, đồ dùng dạy học; đồng thời, khảo sát, đề xuất mua sắm mới những thiết bị theo phương pháp dạy học mới và nhu cầu giảng dạy.

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng lập kế hoạch phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học và đề xuất khen thưởng kịp thời những đồ dùng tự làm có chất lượng.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 1.

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện trường đạt tiêu chuẩn theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hằng năm, thư viện đều được trang bị và bổ sung thêm nhiều loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Thư viện có diện tích là 100 m2 đảm bảo phòng đọc đủ chỗ ngồi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nghiên cứu, học tập; hằng năm, nhân viên thư viện phối hợp cùng với tổ chuyên môn tổ chức nhiều chuyên đề như: Hội thi kể chuyện theo sách, giới thiệu sách mới, triển lãm sách nhằm giúp giáo viên và học sinh tiếp cận nhiều hơn với sách [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tiến hành rà soát, kiểm tra công tác thư viện, bổ sung thêm nhiều sách giáo khoa, sách giáo viên, sách giáo dục kĩ năng sống, các loại báo, tài liệu tham khảo, tài liệu bồi dưỡng học sinh giỏi... phục vụ cho giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh [H3-3.6-04].

Mức 2:

Từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 - 2020, thư viện trường đều được đánh giá đạt chuẩn [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện có máy tính được kết nối internet tạo điều kiện thuận tiện cho giáo viên và học sinh nghiên cứu tài liệu, tham khảo thông tin trên mạng, phục vụ cho hoạt động dạy và học nhưng số lượng máy tính còn ít và cấu hình cũ [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm, nhân viên thư viện phối hợp cùng các tổ chuyên môn triển khai tổ chức nhiều chuyên đề, hội thi, triển lãm nhằm giúp giáo viên và học sinh tiếp cận nhiều hơn với sách.

**3. Điểm yếu**

Số lượng máy tính có kết nối internet tại thư viện còn ít chưa đáp ứng đủ nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021 -2022, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng quản lí, chỉ đạo nhân viên thư viện tiếp tục phát huy những mặt mạnh và đề xuất thêm các giải pháp mới phát huy hơn nữa vai trò công tác thư viện.

Từ năm học 2021 -2022, Hiệu trưởng nhà trường sẽ đề xuất kinh phí bổ sung máy tính có kết nối internet cho thư viện trường để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và học sinh.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

**- Điểm mạnh nổi bật:**

Công tác quản lí cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của nhà trường thực hiện đúng qui định. Nhà trường đảm bảo đúng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trang bị thiết bị văn phòng, phòng học, phòng thiết bị, khuôn viên, sân chơi, bãi tập, khu vệ sinh đáp ứng nhu cầu đội ngũ và học sinh.

**- Điểm yếu cơ bản:**

Trang thiết bị tại các phòng học bộ môn chưa đảm bảo đầy đủ.

- **Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt**:

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/06.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/06.

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 00/05.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 05/05.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**: Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội luôn được nhà trường quan tâm củng cố nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn gắn bó và hỗ trợ nhà trường đạt hiệu quả trong mọi hoạt động. Đảng ủy và chính quyền cùng các ban ngành, đoàn thể xã luôn quan tâm sâu sát và tạo điều kiện để nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập theo qui định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường luôn thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường có kế hoạch và phương hướng hoạt động cho năm học và được thông qua trong hội nghị cha mẹ học sinh từng lớp đầu năm [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng kế hoạch; Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, ban đại diện cha mẹ học sinh trường thực hiện nghị quyết đầu năm học của ban đại diện cha mẹ học sinh trường [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục: Hiệu trưởng tổ chức họp cha mẹ học sinh toàn trường theo định kỳ 3 lần/năm: đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học [H4-4.1-03]. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh như: Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động phụ huynh và các em học sinh chấp hành Luật giao thông khi đưa học sinh đến trường phải đội nón bảo hiểm cho các em [H4-4.1-03]. Công tác vận động học sinh nghỉ, bỏ học trở lại lớp hiệu quả không cao [H1-1.4-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, nhiệt tình, hỗ trợ nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo qui định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-02]. Tuy nhiên, các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh làm nhiều ngành nghề khác nhau nên khó khăn trong việc thống nhất giờ họp.

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường luôn thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh qui định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**3. Điểm yếu**

Công tác vận động học sinh bỏ học tiếp tục đi học lại hiệu quả không cao.

Các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh làm nhiều ngành nghề khác nhau nên khó khăn trong việc thống nhất giờ họp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong hoạt động thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh, huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp.

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng và Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất thời gian họp, sau đó thông báo đến từng thành viên trong Ban đại diện (trước 1 tuần) để sắp xếp thời gian họp cho phù hợp, đảm bảo mỗi cuộc họp có mặt đầy đủ 100% các thành viên.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 1.

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân* *xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng nhà trường đã chủ động và thường xuyên tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để được hỗ trợ an ninh, trật tự trước cổng trường, Công an xã đảm bảo an ninh, trật tự nhà trường, tránh tình trạng kẹt xe trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra về, ngăn chặn tình trạng trấn lột học sinh, bạo lực và các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường [H1-1.3-08]; [H1-1.10-03].

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-03].

c) Nhà trường huy động sự hỗ trợ tự nguyện về tinh thần, vật chất của các tổ chức, cá nhân một cách hợp pháp, đúng qui định; Tuy nhiên, chưa huy động được nhiều nguồn lực để thực hiện các kế hoạch dài hạn của nhà trường [H4-4.1-03].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân xã Nhị Bình hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển; báo cáo kịp thời với Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban nhân dân xã các vấn đề khó khăn, phức tạp trong và bên ngoài trường: Vấn đề giao thông, an ninh trật tự, an toàn xã hội trước cổng trường [H1-1.4-06].

b) Hiệu trưởng thực hiện việc phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để thực hiện giáo dục học sinh thông qua lồng ghép trong các môn học, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp. Hằng năm, Chi đoàn phối hợp tổ Lịch sử tổ chức cho học sinh viếng nghĩa trang Huyện, khu di tích Ngã Ba Giồng qua đó, giáo dục truyền thống lịch sử cho các em [H4-4.2-01].

Mức 3:

Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu “Đơn vị văn hóa” [H4-4.2- 02]. Tuy nhiên, chưa xây dựng được nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa vận động được nguồn lực lớn để thực hiện kế hoạch dài hạn và chưa xây dựng được nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tăng cường mối quan hệ, phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường để tranh thủ sự ủng hộ về tinh thần, vật chất tạo thêm nguồn lực tài chính.

Từ năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình về kế hoạch và các biện pháp hỗ trợ để phát triển nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

**- Điểm mạnh nổi bật:**

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường luôn thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT.

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tổ chức thực hiện các hoạt động của trường.

**- Điểm yếu cơ bản:**

Công tác vận động học sinh bỏ học tiếp tục đi học lại hiệu quả không cao.

Nhà trường chưa vận động được nguồn lực lớn để thực hiện kế hoạch dài hạn.

**- Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:**

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 01/02.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/02.

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 00/02.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/02.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu**: Hoạt động giáo dục, kết quả giáo dục chính là thước đo kết quả sự nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Nhiều năm qua, nhà trường đã không ngừng phấn đấu, đổi mới giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy học phát huy tính chủ động của học sinh trong học tập, rèn luyện.

Chất lượng giáo dục của nhà trường phát triển qua từng năm học: tỉ lệ lên lớp thẳng, tỉ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hằng năm đều tăng; mỗi năm đều có học sinh giỏi cấp huyện.

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

Mức 1:

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

*c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường đảm bảo tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học; đa dạng các hoạt động giáo dục như: hoạt động văn hóa, văn nghệ; hoạt động thể dục thể thao; đặc biệt chú trọng thực hiện hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo qui định, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.2-09]; [H1-1.4-06]; [H5-5.1-01].

b) Giáo viên của trường vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như phương pháp bàn tay nặn bột, dạy học theo dự án, dạy học theo định hướng giáo cục STEM…với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin để tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H1-1.4-07]. Qua đó, học sinh được bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H2-2.2-05]. Tuy nhiên, trường vẫn còn một số giáo viên chưa vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học mới.

c) Nhà trường chỉ đạo cho tất cả giáo viên đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng tăng cường liên hệ thực tế, thực hiện dạy học tích hợp; bảo đảm cân đối giữa dạy lí thuyết và rèn luyện kĩ năng và phát triển tư duy cho học sinh, xây dựng đề kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì theo ma trận gồm các câu hỏi theo 4 mức: Nhận biết - Thông hiểu - Vận dụng - Vận dụng cao [H1-1.2-09]; [H1-1.4-06]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn thực hiện đúng kế hoạch, chương trình, thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo qui định, không cắt xén chương trình, luôn đảm bảo khung chuẩn kiến thức do Bộ qui định, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.6-12].

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện ngay từ đầu năm học theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.1-03]. Các tổ chuyên môn, định kỳ thống kê kết quả các bài kiểm tra định kỳ, để kịp thời phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, giúp các em làm bài tốt trong các kỳ thi [H5-5.1-02].

Mức 3:

Từng học kỳ, nhà trường đều đánh giá, rút kinh nghiệm dựa trên kết quả giảng dạy của từng môn so với chất lượng của toàn trường và toàn huyện [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08]. Tuy nhiên, việc thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục chưa đi vào chiều sâu, chưa phân tích được hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp đề ra [H1-1.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Đa số giáo viên vận dụng linh hoạt trong đổi mới phương pháp giảng dạy, thống kê kết quả các bài kiểm tra định kỳ, để kịp thời phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, giúp các em làm bài tốt trong các kỳ thi.

**3. Điểm yếu**

Việc thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục chưa đi vào chiều sâu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục hướng dẫn giáo viên vận dụng linh hoạt trong đổi mới phương pháp giảng dạy và chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện rà soát, đánh giá các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.*

Mức 2:

*Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.*

Mức 3:

*Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm căn cứ vào kết quả học tập cuối năm học trước và từng đợt báo điểm kiểm tra giữa học kì 1, học kì 1, giữa học kì 2 của học sinh, nhà trường tổ chức rà soát, phân loại học sinh từ đó có biện pháp giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H5-5.1-03].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện phụ đạo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh yếu ở các bộ môn Văn, Toán, Anh, Lý, Hóa và bồi dưỡng học sinh giỏi các bộ môn để tham gia các hội thi: Học sinh giỏi lớp 9, Văn hay chữ tốt, Khéo tay kĩ thuật, Máy tính cầm tay… theo đúng kế hoạch đề ra; đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường phân công giáo viên dạy phụ đạo, giảm mức độ đánh giá đối với học sinh hòa nhập khuyết tật [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

c) Hằng năm, nhà trường đều tổ chức họp sơ kết, tổng kết để tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm và xếp loại kết quả học tập của học sinh, từ đó tìm ra các biện pháp hữu hiệu phân công giáo viên giỏi, có kinh nghiệm bồi dưỡng các học sinh giỏi và giúp đỡ học sinh yếu kém của nhà trường; phân công những giáo viên có tay nghề vững vàng, có tâm huyết vào các lớp có học sinh gặp hoàn cảnh khó khăn để giúp các em tự tin học tập [H5-5.2-01].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.4-05]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Mỗi năm học, nhà trường đều có học sinh tham gia các Hội thi cấp huyện các môn, tuy nhiên, số lượng tham gia cũng như đạt giải không nhiều ở các bộ môn văn hoá; Nhà trường có học sinh đạt giải phong trào thể dục thể thao hằng năm [H5-5.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường kịp thời phát hiện và bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật và đạt nhiều thành tích cao.

**3. Điểm yếu**

Học sinh tham gia các Hội thi cấp huyện số lượng tham gia cũng như đạt giải không nhiều ở các bộ môn văn hoá.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng sẽ tiếp tục phát huy tốt các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Cuối năm học 2020 - 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng tăng cường công tác đánh giá, rút kinh nghiệm qua từng đợt dạy bồi dưỡng của giáo viên, chú trọng, phân tích sâu những nội dung chưa đạt hiệu quả để tìm giải pháp khắc phục cho đợt dạy tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Mức 1:

*a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*

*b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*

*c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

*Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Công nghệ, Âm nhạc, Mĩ thuật cho học sinh theo kế hoạch [H5-5.3-01].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương theo đúng qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo và các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo thông qua các hoạt động trải nghiệm, lồng ghép vào các tiết dạy, giao bài thuyết trình, lồng ghép kiểm tra định kì,.. [H1-1.4-05]; [H5-5.1-02].

c) Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng chuyên môn thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp thực tế của nhà trường [H1-1.4-06]; [H5-5.3-01].

Mức 2:

Đảm bảo nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết học theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện nghiêm túc chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh [H5-5.3-01]. Hằng năm, nhà trường tổ chức cho học sinh viếng nghĩa trang Liệt sĩ huyện Hóc Môn, khu di tích Ngã Ba Giồng; tuyên truyền an toàn giao thông, bạo lực học đường, bảo vệ môi trường của bộ môn Giáo dục công dân [H4-4.2-01]. Tuy nhiên, Nhà trường tổ chức các buổi ngoại khóa về giáo dục lịch sử địa phương chưa nhiều.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết học theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường tổ chức các buổi ngoại khóa về giáo dục lịch sử địa phương chưa nhiều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thư viện cập nhật, bổ sung thêm tư liệu tham khảo có nội dung giáo dục địa phương làm phong phú thêm tài liệu giáo dục địa phương cho học sinh cũng như giáo viên tham khảo.

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng và tổ trưởng xây dựng kế hoạch cụ thể phối hợp Chi đoàn tăng cường các buổi ngoại khóa để giới thiệu với học sinh về lịch sử địa phương qua sách báo, tài liệu hoặc các buổi tham quan thực tế các di tích lịch sử nhằm nâng cao bổ sung kiến thức nội dung giáo dục địa phương cho học sinh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*

*b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*

*c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*

*b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

**1. Mô tả thực trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường, kế hoạch tổ chức hướng nghiệp cho học sinh khối 9 phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường [H2-2.2-06]; [H2-2.2-07].

b) Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch trải nghiệm phù hợp tình hình thực tế, kế hoạch giáo dục hướng nghiệp được thực hiện giảng dạy cho học sinh khối 9 [H1-1.4-06]; [H2-2.2-06]; [H5-5.4-01].

c) Nhà trường phân công giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm đồng thời huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H2-2.2-06]; [H2-2.2-07].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với từng khối lớp, bộ môn, các hoạt động hướng nghiệp được tổ chức dưới các hình thức như: kết hợp với các trường trung cấp nghề cho học sinh tham quan triển lãm, tham quan thực tế tại trường; hướng nghiệp qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, … nhằm giúp các em có định hướng đúng đắn sau tốt nghiệp Trung học cơ sở [H2-2.2-06]; [H2-2.2-07]; [H5-5.4-01]. Tuy nhiên, hoạt động tham quan hướng nghiệp chưa đa dạng mà chủ yếu qua các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc tiết dạy hướng ngiệp tại đơn vị.

b) Từng học kì, cán bộ quản lí nhà trường rà soát đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H1-1.2-08]; [H1-1.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm, công tác hướng nghiệp dạy nghề cho học sinh.

**3. Điểm yếu**

Hoạt động tham quan hướng nghiệp chưa đa dạng mà chủ yếu qua các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc tiết dạy hướng ngiệp tại đơn vị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đa dạng hóa các ngành nghề phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương và đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;*

*b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;*

*c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.*

Mức 2:

*a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

*b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3:

*Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch liên kết với Công ty GAIA được Sở Giáo dục và Đào tạo cấp giấy phép đến giảng dạy kĩ năng sống cho học sinh khối 6, 7 [H5-5.5-01]. Ngoài ra, nhà trường còn thực hiện tích hợp, lồng ghép hoạt động giáo dục kĩ năng sống thông qua các môn học trên lớp, hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương [H5-5.1-01]; [H5-5.5-02].

b) Trên 90% học sinh có đủ kiến thức và những hiểu biết cơ bản để thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh, ngoan ngoãn, lễ phép, chuẩn mực trong ngôn ngữ giao tiếp, ứng xử, có ý thức chấp hành kỉ luật và tinh thần tập thể trong mọi hoạt động [H1-1.10-02]; [H5-5.5-01].

c) Thông qua hoạt động giáo dục kĩ năng sống, đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành về cách cư xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ bạn bè, có kỉ luật, giữ vệ sinh...phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.4-05]; [H1-1.5-02].

Mức 2:

a) Trong các tiết dạy kĩ năng sống cũng như trong học tập giáo viên hướng dẫn và tổ chức cho học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, từ đó học sinh biết cách đưa ra được các nhận định cho bản thân để có hướng điều chỉnh cho phù hợp [H5-5.5-01].

b) Qua quá trình học tập, đa số học sinh biết vận dụng kiến thức vào các hoạt động thực tiễn, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề tình huống trong cuộc sống, phát huy được hiệu quả của việc vận dụng kĩ năng sống [H5-5.5-02].

Mức 3:

Nhà trường có tổ chức cho học sinh nghiên cứu khoa học dưới dạng các bài học dạy theo định hướng STEM, bước đầu nhà trường giúp các em nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giáo viên [H1-1.4-06]. Tuy nhiên, trường chưa đầu tư sâu trong việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, chính vì vậy, chưa có học sinh đạt giải trong các cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

**2. Điểm mạnh**

Học sinh biết vận dụng kiến thức vào các hoạt động thực tiễn, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề tình huống trong cuộc sống, phát huy được hiệu quả của việc vận dụng kĩ năng sống.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa đầu tư sâu trong việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Do đó, học sinh không đạt giải trong các cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận sẽ phát huy hơn nữa hoạt động giáo dục kĩ năng sống ở học sinh qua việc mở rộng các mô hình ngoại khóa, tiết học ngoài nhà trường để học sinh dễ tiếp cận thực tế và có những bài học giá trị cho bản thân qua quá trình tự trải nghiệm.

Trong năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp trường với tất cả các môn giúp học sinh phát triển toàn diện hơn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

*- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.*

*b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:*

*- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;*

*- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học*.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực cuối năm từ trung bình trở lên qua các năm đạt 90,5% trở lên, tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 92,2% trở lên [H1-1.4-05].

b) Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỉ lệ học sinh lên lớp qua các năm đạt trên 90,4%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở từ 99,5% trở lên [H1-1.4-05]; [H5-5.6-01].

c) Hằng năm, trường có kế hoạch định hướng phân luồng phù hợp với đối tượng học sinh từng năm, đảm bảo yêu cầu thực tế và mục tiêu phương hướng chiến lược phát triển trường [H2-2.2-06].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp [H1-1.4-05]; [H5-5.6-01].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại học lực**  **(%)** | **Năm học** | | | | |
| **2015 - 2016** | **2016 - 2017** | **2017 - 2018** | **2018 - 2019** | **2019 - 2020** |
| Giỏi | 24,0 | 26,7 | 25,9 | 27,4 | 33,4 |
| Khá | 35,7 | 37,0 | 38,5 | 38,5 | 42,3 |
| TB | 30,9 | 29,3 | 28,7 | 29,9 | 22,6 |
| Yếu | 7,6 | 6,7 | 6,3 | 3,9 | 1,7 |
| Kém | 1,9 | 0,4 | 0,7 | 0,3 | 0,0 |
| **Trung bình trở lên** | **90,5** | **92,9** | **93,1** | **95,8** | **98,3** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại hạnh kiểm (%)** | **Năm học** | | | | |
| **2015 - 2016** | **2016 - 2017** | **2017 - 2018** | **2018 - 2019** | **2019 - 2020** |
| Tốt | 73,1 | 79,5 | 81,9 | 85,1 | 84,4 |
| Khá | 19,1 | 17,5 | 16,5 | 12,8 | 14,4 |
| TB | 7,8 | 3,1 | 1,6 | 2,1 | 1,2 |
| Yếu | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 |
| **Trung bình trở lên** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** |

b) Kết quả lên lớp thẳng và tốt nghiệp Trung học cơ sở có chuyển biến tích cực trong 05 năm [H1-1.4-05]; [H5-5.6-01].

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm học | **Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng (%)** | **Tốt nghiệp THCS (%)** |
| 2015 - 2016 | 90,5 | 100 |
| 2016 - 2017 | 92,9 | 100 |
| 2017 - 2018 | 93,1 | 99,5 |
| 2018 - 2019 | 95,8 | 100 |
| 2019 - 2020 | 98,3 | 100 |

Mức 3:

a) Tỉ lệ học sinh giỏi của trường qua các năm đạt từ 24,0% đến 33,4%. Tỉ lệ học sinh khá của trường qua các năm đạt từ 35,7% đến 42,3%. Tỉ lệ học sinh yếu, kém của trường từ 1,7% đến 9,5%. Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt bình quân 97,0%, vẫn còn học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình [H1-1.4-05]; [H5-5.6-01].

b) Tỉ lệ học sinh lưu ban các năm được cải thiện từ trên 2% đến năm học 2019-2020 còn lại dưới 1,7% và tỉ lệ bỏ học trên 1,2%.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2016 - 2017** | **2017 - 2018** | **2018 - 2019** | **2019 - 2020** | **2020 - 2021** |
| **Tỉ lệ học sinh bỏ học** | 1,6% | 2,1% | 1,9% | 2,8% | 1,5% |

**2. Điểm mạnh**

Chất lượng học tập của trường có sự chuyển biến tích cực, tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng hằng năm được cải thiện dần từ 90,5% đến nay đã đạt 98,3%.

**3. Điểm yếu**

Trường có tỉ lệ học sinh bỏ học cao chưa đáp ứng yêu cầu theo kế hoạch.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Bắt đầu từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tăng cường hơn nữa và có kế hoạch dài hạn, hợp lý, đầu tư sâu việc đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng phương pháp dạy học theo cá thể nhằm nâng cao các tỉ lệ học sinh khá, giỏi, giảm tỉ lệ học sinh yếu, kém của nhà trường. Qua đó giảm dần tỉ lệ hoạc sinh bỏ học hằng năm.

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa chuyên trách phổ cập, giáo viên chủ nhiệm và Ban đại diện Cha mẹ học sinh thực hiện tốt công tác vận động học sinh trở lại lớp.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

**- Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường thực hiện hiệu quả hoạt động đổi mới phương pháp và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, chú trọng giúp đỡ học sinh yếu, kém. Bên cạnh nhà trường còn tổ chức học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thu hút học sinh tham gia một cách hào hứng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

**- Điểm yếu cơ bản:**

Nhà trường chưa đầu tư sâu trong việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Do đó, học sinh không đạt giải trong các kỳ thi nghiên cứu khoa học do Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

Trường có tỉ lệ học sinh bỏ học cao chưa đáp ứng yêu cầu theo kế hoạch.

**- Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:**

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/06.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/06.

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 00/04.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/04.

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đánh giá công tác quản lí và tổ chức các hoạt động giáo dục. Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục, báo cáo này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao chất lượng quản lí và giáo dục của nhà trường.

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 28/28 Tỉ lệ: 100 %

- Số lượng các tiêu chí không đạt mức 1: 00/28 Tỉ lệ: 00 %

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 18/28 Tỉ lệ: 64,3 %

- Số lượng các tiêu chí không đạt mức 2: 10/28 Tỉ lệ: 35,7 %

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 00/20 Tỉ lệ: 00 %

- Số lượng các tiêu chí không đạt mức 3: 20/20 Tỉ lệ: 100 %

Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh: Mức 1;

Trường Trung học cơ sở Đặng Công Bỉnh, huyện Hóc Môn đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 1**./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hóc Môn, ngày 12 tháng 3 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG** |

**Phần IV. PHỤ LỤC  
Bảng danh mục mã minh chứng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **TT** | **Mã**  **minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát** | **Nơi ban hành hoặc người thực hiện** | **Nơi lưu trữ minh chứng** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025. | Năm 2020 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 2 | [H1-1.1-02] | Văn kiện Đại hội Đảng bộ xã Nhị Bình lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. | Tháng 10/2020 | Đảng ủy xã Nhị Bình. | Bí thư chi bộ |
| 3 | [H1-1.1-03] | Website của nhà trường: thcsdangcongbinh.hcm.edu.vn | Năm 2016 đến nay | Văn thư | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Quyết định thành lập Hội đồng trường. | 702/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của UBND huyện Hóc Môn | Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | Văn thư |
| 2 | [H1-1.2-02] | Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh 6. | Năm học 2016 - 2017  đến năm học 2020 - 2021 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H1-1.2-03] | Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp THCS. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2019 - 2020 | Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | Văn thư |
| 4 | [H1-1.2-04] | Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua và khen thưởng. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 5 | [H1-1.2-05] | Quyết định thành lập Hội đồng coi và chấm kiểm tra học kỳ. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 6 | [H1-1.2-06] | Quyết định thành lập Hội đồng coi và chấm kiểm tra lại. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2019 - 2020 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 7 | [H1-1.2-07] | Sổ họp Hội đồng sư phạm. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 8 | [H1-1.2-08] | Sổ họp tổ Chuyên môn, tổ văn phòng. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 9 | [H1-1.2-09] | Kế hoạch năm học. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 10 | [H1-1.2-10] | Kế hoạch tuyển sinh 6. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 11 | [H1-1.2-11] | Kế hoạch và nội dung thi đua, khen thưởng. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Hiệu trưởng | Công đoàn |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn. | Năm 2019 | Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn | Công đoàn |
| 2 | [H1-1.3-02] | Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Chi đoàn. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Đoàn xã Nhị Bình | Chi đoàn |
| 3 | [H1-1.3-03] | Quyết định thành lập Ban chỉ huy Liên đội. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Hội Đồng Đội huyện Hóc Môn | Tổng phụ trách |
| 4 | [H1-1.3-04] | Biên bản họp Ban chấp hành Công đoàn. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Công đoàn | Công đoàn |
| 5 | [H1-1.3-05] | Biên bản họp Ban chấp hành Chi đoàn. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Chi đoàn | Chi đoàn |
| 6 | [H1-1.3-06] | Biên bản họp Ban chỉ huy Liên đội. | Năm học 2016 - 2017  đến Năm học 2020 - 2021 | Tổng phụ trách | Tổng phụ trách |
| 7 | [H1-1.3-07] | Quyết định chuẩn y Chi ủy Chi bộ Trường THCS Đặng Công Bỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2022. | Năm 2020 | Đảng ủy xã Nhị Bình | Bí thư chi bộ |
| 8 | [H1-1.3-08] | Hồ sơ Chi bộ. | Năm 2016 đến nay | Chi bộ | Bí thư |
| 9 | [H1-1.3-09] | Giấy khen của Công đoàn. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn | Công doàn |
| 10 | [H1-1.3-10] | Giấy khen của Chi đoàn. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Đoàn xã Nhị Bình | Chi đoàn |
| 11 | [H1-1.3-11] | Giấy khen của Liên đội. | Năm học 2015 - 2016  đến Năm học 2019 - 2020 | Hội Đồng Đội huyện Hóc Môn | Tổng phụ trách |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng. | Số 4747/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; Số 2513/QĐ-UBND ngày 13/7/2018; Số 3703/QĐ-UBND ngày 17/8/2020. | Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. | Văn thư |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H1-1.4-03] | Hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu Trưởng | Phó Hiệu Trưởng |
| 4 | [H1-1.4-04] | Báo cáo tổng kết tổ chuyên môn. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.4-05] | Báo cáo tổng kết năm học. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 6 | [H1-1.4-06] | Kế hoạch chuyên môn, kế hoạch giáo dục. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.4-07] | Các chuyên đề chuyên môn (gồm các chuyên đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM, dạy học theo dự án, nghiên cứu khoa học). | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn. |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Sổ gọi tên ghi điểm. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Học vụ |
| 2 | [H1-1.5-02] | Sổ chủ nhiệm. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Giáo viên chủ nhiệm | Học vụ |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Sổ đăng bộ. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Học vụ | Học vụ |
| 2 | [H1-1.6-02] | Sổ chuyển trường đi, Sổ chuyển trường đến. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Học vụ | Học vụ |
| 3 | [H1-1.6-03] | Sổ ghi đầu bài. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Học vụ | Học vụ |
| 4 | [H1-1.6-04] | Học bạ học sinh. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Học vụ | Học vụ |
| 5 | [H1-1.6-05] | Sổ quản lí cấp phát văn bằng, chứng chỉ. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Học vụ | Học vụ |
| 6 | [H1-1.6-06] | Hồ sơ thi đua. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Công đoàn | Công đoàn |
| 7 | [H1-1.6-07] | Sổ theo dõi công văn đến, công văn đi. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Văn thư | Văn thư |
| 8 | [H1-1.6-08] | Sổ quản lí tài sản, thiết bị giáo dục. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thiết bị | Thiết bị |
| 9 | [H1-1.6-09] | Hồ sơ quản lí thư viện. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thư viện | Thư viện |
| 10 | [H1-1.6-10] | Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Y tế | Y tế |
| 11 | [H1-1.6-11] | Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Học vụ | Học vụ |
| 12 | [H1-1.6-12] | Giáo án của giáo viên. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Giáo viên | Giáo viên |
| 13 | [H1-1.6-13] | Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn của giáo viên | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Giáo viên | Học vụ |
| 14 | [H1-1.6-14] | Sổ dự giờ thăm lớp của giáo viên. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Giáo viên | Học vụ |
| 15 | [H1-1.6-15] | Sổ điểm cá nhân. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Giáo viên | Học vụ |
| 16 | [H1-1.6-16] | Sổ theo dõi tài sản, báo cáo tài chính hằng năm. | Năm 2016 đến nay | Kế toán | Kế toán |
| 17 | [H1-1.6-17] | Hồ sơ công khai của kế toán. | Năm 2016 đến nay | Kế toán | Kế toán |
| 18 | [H1-1.6-18] | Qui chế chi tiêu nội bộ. | Năm 2016 đến nay | Kế toán | Công đoàn  Kế toán |
| 19 | [H1-1.6-19] | Các phần mềm quản lí: Cơ sở dữ liệu ngành, Web trường, phần mềm smas, csdl... | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Kế toán  Văn thư  Học vụ | Kế toán  Văn thư  Học vụ |
| 20 | [H1-1.6-20] | Biên bản kiểm tra tài chính. | Năm 2016  Đến nay | Kế toán | Kế toán |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Danh sách cán bộ quản lí, giáo viên tham gia các lớp tập huấn. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 2 | [H1-1.7-02] | Phân công cán bộ, công chức, viên chức. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H1-1.7-03] | Danh sách giáo viên giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi (cấp huyện, cấp trường). | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.7-04] | Danh sách giáo viên tham quan học tập. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Công đoàn | Công đoàn |
| 5 | [H1-1.7-05] | Hồ sơ sáng kiến. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.7-06] | Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, các tổ, bộ phận | Văn thư |
| 2 | [H1-1.8-02] | Giấy khen tập thể lao động tiên tiến; xuất sắc. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Ủy ban Nhân dân các cấp | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Báo cáo của Ban thanh tra Nhân dân. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Ban thanh tra Nhân dân. | Công đoàn |
| 2 | [H1-1.9-02] | Văn kiện Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Công đoàn | Công đoàn |
| 3 | [H1-1.9-03] | Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Công đoàn | Công đoàn |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Hồ sơ an toàn về an ninh trật tự trường học. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Y tế |
| 2 | [H1-1.10-02] | Hồ sơ an toàn trường học: vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; biên bản kiểm tra phòng, chống tai nạn, thương tích. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Y tế |
| 3 | [H1-1.10-03] | Quy chế phối hợp với công an vê đảm bảo an toàn về an ninh trật tự trường học. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.10-04] | Kế hoạch phòng chống thiên tai. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Y tế |
| 5 | [H1-1.10-05] | Hồ sơ phòng cháy, chữa cháy. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 6 | [H1-1.10-06] | Kế hoạch phòng chống dịch bệnh. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư, y tế |
| 7 | [H1-1.10-07] | Báo cáo an toàn giao thông. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 8 | [H1-1.10-08] | Hồ sơ hợp đồng với công ty cung cấp suất ăn. | Năm học 2019 - 2020  đến nay | Hiệu trưởng | Kế toán |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ cá nhân của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. | Năm 2015 đến nay | Kế toán | Kế toán |
| 2 | [H2-2.1-02] | Kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Danh sách giáo viên, nhân viên của trường. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 2 | [H2-2.2-02] | Bảng phân công chuyên môn. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H2-2.2-03] | Bảng tổng hợp trình độ đào tạo giáo viên. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 4 | [H2-2.2-04] | Hồ sơ đánh giá giáo viên hằng năm theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên. | Năm học 2015 - 2016  đến Năm học 2019 - 2020 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 5 | [H2-2.2-05] | Hình ảnh các tiết dạy theo các phương pháp dạy học tích cưc: dạy học theo giáo dục STEM, dạy học theo chủ đề, dạy học theo dự án. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 6 | [H2-2.2-06] | Kế hoạch hướng nghiệp, dạy nghề. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 7 | [H2-2.2-07] | Hình ảnh tham quan hướng nghiệp các trường trung cấp nghề. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Hồ sơ của nhân viên. | Năm 2017 đến nay | Hiệu trưởng | Kế toán |
| 2 | [H2-2.3-02] | Bảng tổng hợp đánh giá cán bộ công chức, viên chức cuối năm. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H2-2.3-03] | Danh sách nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 2.4** | 1 | [H2-2.4-01] | Nội quy của học sinh. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Học vụ |
| 2 | [H2-2.4-02] | Báo cáo thống kê hạnh kiểm học sinh. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H2-2.4-03] | Danh sách học sinh khen thưởng cuối năm. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 4 | [H2-2.4-04] | Hình ảnh học sinh nhận học bổng, trợ cấp, khen thưởng. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường. | Năm học 2015-2016 | Ban quản lí đầu tư xây dựng công trình huyện Hóc Môn | Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.1-02] | Ảnh chụp khuôn viên của nhà trường, cổng tên, tường rào, sân chơi, bãi tập. | Hình ảnh | Chi đoàn | Album ảnh nhà trường |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá về phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh đảm bảo qui định (đính kèm hình ảnh). | Hình ảnh | Y tế | Album ảnh nhà trường |
| 2 | [H3-3.2-02] | Các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá về phòng bộ môn, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh đảm bảo qui định (đính kèm hình ảnh)  Biên bản kiểm tra y tế học đường. | Hình ảnh | Y tế | Album ảnh nhà trường |
| 3 | [H3-3.2-03] | Hồ sơ phòng thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học. | Năm 2019 | Thiết bị | Thiết bị |
| 4 | [H3-3.2-04] | Biên bản kiểm tra thiết bị. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Bộ phận thiết bị |
| 5 | [H3-3.2-05] | Hình ảnh chụp các phòng Đoàn - Đội, thư viện, truyền thống. | Hình ảnh | Tổng phụ trách | Album ảnh nhà trường |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01] | Hình ảnh khối phòng hành chính. | Hình ảnh | Tổ hành chánh | Album ảnh nhà trường |
| 2 | [H3-3.3-02] | Biên bản kiểm kê, bổ sung đồ dùng dạy học hằng năm. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thiết bị | Thiết bị |
| 3 | [H3-3.3-03] | Hồ sơ chứng từ chi cho việc sửa chữa bổ sung thiết bị. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Kế toán |
| 4 | [H3-3.3-04] | Hình ảnh chụp bên trong các phòng nghỉ giáo viên. | Hình ảnh | Công đoàn | Album ảnh nhà trường |
| 5 | [H3-3.3-05] | Hình ảnh chụp bên trong các khối hành chính. | Hình ảnh | Tổ hành chánh | Album ảnh nhà trường |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh chụp bên trong nhà vệ sinh và cảnh quan bên ngoài nhà vệ sinh. | Hình ảnh | Y tế | Album ảnh nhà trường |
| 2 | [H3-3.4-02] | Sơ đồ hệ thống thoát nước. | Năm 2016 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.4-03] | Hợp đồng nước uống và nước sinh hoạt. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Y tế |
| 4 | [H3-3.4-04] | Hợp đồng dịch vụ công ích thu gom rác. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Kế toán |
| 5 | [H3-3.4-05] | Hình ảnh chụp các thùng rác trong khuôn viên trường. | Hình ảnh | Tổng phụ trách | Tổng phụ trách |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Hợp đồng cung cấp và sử dụng internet cáp quang Viettel. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Kế toán |
| 2 | [H3-3.5-02] | Danh mục thiết bị dạy học. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thiết bị | Thiết bị |
| 3 | [H3-3.5-03] | Hình ảnh kho lưu trữ tại các phòng bộ môn, kho lưu trữ dụng cụ thể dục thể thao, kho thiết bị. | Hình ảnh | Thiết bị | Thiết bị |
| 4 | [H3-3.5-04] | Hình ảnh chụp các đồ dùng dạy học giáo viên tự làm. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thiết bị | Thiết bị |
| 6 | [H3-3.5-05] | Sổ mượn thiết bị giáo dục. | Năm học 2015 - 2016  đến Năm học 2019 - 2020 | Thiết bị | Thiết bị |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Danh mục sách, báo, tài liệu tham khảo. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thư viện | Thư viện |
| 2 | [H3-3.6-02] | Kế hoạch thư viện, nội quy thư viện. Biên bản kiểm tra thư viện. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thư viện | Thư viện |
| 3 | [H3-3.6-03] | Kế hoạch thực hiện chuyên đề của thư viện, hình ảnh triển lãm sách, các hình ảnh thực hiện chuyên đề của thư viện. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thư viện | Thư viện |
| 4 | [H3-3.6-04] | Danh mục sách, báo và tài liệu tham khảo bổ sung hằng năm. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thư viện | Thư viện |
| 5 | [H3-3.6-05] | Quyết định công nhận thư viện trường học. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | UBND huyện Hóc Môn | Thư viện |
| 6 | [H3-3.6-06] | Báo cáo tổng kết thư viện. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Thư viện | Thư viện |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Danh sách ban đại diện cha mẹ học sinh. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 2 | [H4-4.1-02] | Văn kiện Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H4-4.1-03] | Biên bản họp Cha mẹ học sinh. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Kế hoạch của chi đoàn;  Hình ảnh chụp các hoạt động của chi đoàn. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Chi đoàn | Chi đoàn |
| 2 | [H4-4.2-02] | Giấy chứng nhận “Đơn vị văn hóa”. | Năm 2017 đến nay | Công đoàn | Công đoàn |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.1-02] | Đề kiểm tra 1 tiết. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu Trưởng | Phó Hiệu Trưởng |
| 3 | [H5-5.1-03] | Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu Trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Biên bản xét duyệt cuối học kỳ I và cuối năm học. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.2-02] | Kết quả thi học sinh giỏi, văn hay chữ tốt, giải toán trên máy tính cầm tay, thể dục thể thao, Khéo tay kĩ thuật, Nét vẽ xanh. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng. |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Giáo án có lồng ghép giáo dục địa phương. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Giáo viên | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Kế hoạch trải nghiệm. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.5** | 1 | [H5-5.5-01] | Chương trình dạy kĩ năng sống. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.5-02] | Hình ảnh tiết dạy kĩ năng sống, giáo dục giới tính, dạy học theo dự án, nghiên cứu khoa học. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phó hiệu trưởng, giáo viên | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.6** | 1 | [H5-5.6-01] | Báo cáo tổng kết của Phòng Giáo dục. | Năm học 2016 - 2017  đến nay | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn | Văn thư |